

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 18  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2026/HNGĐ-ST  
Ngày: 26-5-2026  
V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Đậu Thị Thảo

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Hoàng Giang;

2. Bà Bò Thị Ánh Tuyết.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Ngọc Thuỷ – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Ngọc Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 705/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025 về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2026/QĐXX-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 90/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05/5/2026, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1990; địa chỉ: 345, khu phố H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**- Bị đơn:** Bà Huỳnh Thị Ngọc T, sinh năm 1993; địa chỉ: 345, khu phố H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt không rõ lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày:

Ông và bà Huỳnh Thị Ngọc T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). Hôn nhân do tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 2018 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do

tính tình không hợp, thường xuyên gây gổ, cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung. Đến cuối năm 2018 thì bà Tâm bỏ về nhà mẹ ở và không còn sống chung cùng nhau từ năm 2018 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Nguyễn Ngọc T yêu cầu được ly hôn với bà Huỳnh Thị Ngọc T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Ngọc Thùy, sinh ngày 15/4/2013 và Nguyễn Huỳnh Anh Tú, sinh ngày 21/9/2017. Ông Nguyễn Ngọc T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu bà Huỳnh Thị Ngọc T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Tâm không có yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T, cho ông Nguyễn Ngọc T được ly hôn với bà Huỳnh Thị Ngọc T; giao 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Ngọc Thùy, sinh ngày 15/4/2013 và Nguyễn Huỳnh Anh Tú, sinh ngày 21/9/2017 cho ông Nguyễn Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ghi nhận ông Nguyễn Ngọc T không yêu cầu bà Huỳnh Thị Ngọc T cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc T có địa chỉ cư trú tại phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Tòa án

nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Thị Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng, trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ và tham gia hòa giải nhưng bà Tâm vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không có yêu cầu phản tố. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Ngọc T và bà Huỳnh Thị Ngọc T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) trên cơ sở tự nguyện. Việc kết hôn của ông Tùng và bà Tâm bảo đảm điều kiện kết hôn, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Ngọc T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo lời trình bày của ông Tùng, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 2018 thì cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp tính tình, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định để bà Tâm tham gia giải quyết vụ án, có cơ hội trình bày ý kiến và hòa giải đoàn tụ, nhưng bà Tâm vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của ông Tùng và không thể hiện thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng.

Xét thấy, hôn nhân chỉ có thể duy trì trên cơ sở vợ chồng thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và cùng có trách nhiệm xây dựng gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Ngọc T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trong thời gian dài, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2018 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn. Bà Huỳnh Thị Ngọc T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của ông Tùng và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện vợ chồng còn khả năng đoàn tụ.

Hội đồng xét xử nhận thấy, việc vợ chồng không còn chung sống, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong thời gian dài thể hiện quan hệ hôn nhân không còn được duy trì trên thực tế. Do bà Tâm không tham gia tố tụng nên Tòa án không tiến hành hòa giải để hàn gắn quan hệ vợ chồng được; đồng thời, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa ông Nguyễn Ngọc T và bà Huỳnh Thị Ngọc T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Ngọc T.

[3] Về con chung:

Ông Nguyễn Ngọc T và bà Huỳnh Thị Ngọc T có 02 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Ngọc M, sinh ngày 15/4/2013 và cháu Nguyễn Huỳnh Anh T sinh ngày 21/9/2017. Ông Tùng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu bà Tâm cấp dưỡng nuôi con; bà Tâm không tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến và không có yêu cầu tranh chấp về việc nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, khi quyết định người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, Tòa án phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đồng thời xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên. Tại thời điểm xét xử, cháu Nguyễn Huỳnh Ngọc Thùy và cháu Nguyễn Huỳnh Anh Tú đều đã trên 07 tuổi. Theo ghi nhận ý kiến, các cháu có nguyện vọng được sống với ông Nguyễn Ngọc T. Hiện nay các cháu đang sinh sống, học tập ổn định với ông Tùng. Ông Tùng có điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con. Do đó, để bảo đảm sự ổn định về tâm lý, sinh hoạt, học tập và quyền lợi về mọi mặt của các con chung, Hội đồng xét xử cần giao cháu Nguyễn Huỳnh Ngọc Thùy và cháu Nguyễn Huỳnh Anh Tú cho ông Nguyễn Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Tùng không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Ngọc T trình bày không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà Huỳnh Thị Ngọc T không có yêu cầu phản tố. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Trường hợp sau này các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa về việc đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình: Ông Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc T về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc T được ly hôn với bà Huỳnh Thị Ngọc T.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Ngọc M, sinh ngày 15/4/2013 và cháu Nguyễn Huỳnh Anh T sinh ngày 21/9/2017 cho ông Nguyễn Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Bà Tâm có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông Tùng và các thành viên trong gia đình không được cản trở người còn lại trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ này.

Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, một hoặc hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0049835 ngày 16/12/2025 của Thi hành án

dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Ngọc T đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 18 –  
Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 18 –  
Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự.
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đậu Thị Thảo**





